UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2254 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 01 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2- Mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế; Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu mua thuốc trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 296/TTr-SYT ngày 26/10/2023; Báo cáo thẩm định ngày 21/10/2023 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế do các cơ sở y tế tự tổ chức lựa chọn nhà thầu (Thành lập theo Quyết định số 891/QĐ-SYT ngày 19/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế); Tờ trình số 185/TTr-BVMC ngày 29/9/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2- Mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La *(theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo theo đúng pháp luật quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu về nội dung thẩm định, trình duyệt. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện sai phạm *(nếu có)* báo cáo UBND tỉnh kịp thời để xem xét, quyết định.

2. Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định hiện hành về đấu thầu. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc trình Chủ tịch UBND tỉnh, các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan giám sát việc thi hành pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_S.Hùng.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU SỐ 2- MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số: 2254 /QĐ-UBND ngày 01 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu *(ĐVT: VND)*	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 2- Mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La *(gồm 80 mặt hàng, trong đó: Nhóm 1: 3; Nhóm 2: 2; Nhóm 3: 73; Nhóm 4: 2).*	**10.336.146.000** *(Bằng chữ: Mười tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Trong quý IV năm 2023	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng, kể từ ngày Ký hợp đồng

Phụ lục II

DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU SỐ 2- MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số: 2254 /QĐ-UBND ngày 01 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: VND

STT	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch *(VND)*	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	1	Gừng	Nhóm 3	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	4.000	36.750	147.000.000
2	2	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	10.000	1.450	14.500.000
3	4	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liền, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Gói/Chai/Lọ/Túi	40.000	3.600	144.000.000
4	5	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	Nhóm 3	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói/Chai/Lọ/Túi	20.000	2.750	55.000.000
5	7	Actiso.	Nhóm 1	Uống	Viên	Viên	50.000	639	31.950.000
6	8	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Nhóm 3	Uống	viên nang	Viên	100.000	525	52.500.000
7	9	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	80.000	2.499	199.920.000
8	12	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	900	45.000.000
9	14	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	2.835	141.750.000
10	17	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.200	110.000.000
11	18	Cao khô lá dâu tằm.	Nhóm 4	uống	viên nang	viên	50.000	2.499	124.950.000
12	22	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	100.000	605	60.500.000
13	23	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.344	67.200.000
14	24	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	3.500	350.000.000
15	28	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	70.000	1.899	132.930.000

STT	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch *(VND)*	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
16	34	Kim ngân hoa, Nhân trần, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	40.000	1.930	77.200.000
17	35	Kim tiền thảo	Nhóm 1	Uống	Viên nang	Viên	30.000	490	14.700.000
18	37	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	60.000	1.450	87.000.000
19	44	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.990	99.500.000
20	53	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	10.000	12.000	120.000.000
21	56	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bổ cốt chỉ	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.050	102.500.000
22	57	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	70.000	680	47.600.000
23	58	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân (Dây đau xương), Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	100.000	3.000	300.000.000
24	65	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.680	168.000.000
25	65	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	50.000	2.300	115.000.000
26	69	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Quế chi, Hy thiêm, Đỗ trọng, Đương quy, Tần giao, Ngưu tất	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	50.000	3.320	166.000.000
27	72	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liền, Quế chi	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.710	85.500.000
28	73	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	50.000	4.900	245.000.000
29	80	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đằng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	60.000	3.650	219.000.000
30	81	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	10.000	3.500	35.000.000

STT	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch *(VND)*	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
31	82	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	nhóm 3	Uống	Viên hoàn mềm	Viên	10.000	4.350	43.500.000
32	82	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	3.000	33.000	99.000.000
33	83	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đảng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phấn hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	3.000	50.000	150.000.000
34	86	Cát lâm sâm, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Ý dĩ, Hoài sơn, Khiếm thực, Liên nhục, Mạch nha, Sử quân tử, Sơn tra, Thần khúc, Cốc tinh thảo, Ô tặc cốt, Bạch biển đậu	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	3.000	67.700	203.100.000
35	94	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược	Nhóm 2	Uống	Viên	Viên	100.000	1.000	100.000.000
36	95	Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.700	85.000.000
37	98	Men bia ép tinh chế	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Ống/Túi/Gói/Lọ	10.000	2.500	25.000.000
38	100	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du)	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/Lọ/Túi	10.000	5.800	58.000.000
39	101	Nghệ vàng	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/Lọ/Túi	10.000	2.600	26.000.000
40	101	Nghệ vàng	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	2.000	54.000	108.000.000
41	103	Ngưu nhĩ phong, La liễu	Nhóm 4	Uống	Viên	Viên	50.000	7.800	390.000.000
42	112	Sử quân tử, Binh lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	20.000	5.425	108.500.000
43	117	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Nhóm 1	Uống	Viên nang	Viên	20.000	4.900	98.000.000
44	118	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thược, Nhục quế	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	20.000	3.450	69.000.000
45	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	400.000	174	69.600.000

STT	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch *(VND)*	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
46	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Nhóm 3	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói/Chai/Lọ/Túi	30.000	2.800	84.000.000
47	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	2.916	291.600.000
48	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	2.000	69.000	138.000.000
49	128	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	Nhóm 3	Uống	viên hoàn cứng	Gói/Chai/Lọ/Túi	200.000	3.200	640.000.000
50	129	Đương quy, Bạch quả.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	300.000	1.400	420.000.000
51	131	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	600	30.000.000
52	135	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.100	55.000.000
53	135	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	20.000	900	18.000.000
54	136	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	70.000	1.300	91.000.000
55	139	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	1.418	28.360.000
56	140	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.500	125.000.000
57	142	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.950	147.500.000
58	142	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	20.000	1.790	35.800.000
59	149	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	2.000	19.000	38.000.000
60	151	Lá thường xuân.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	5.000	52.248	261.240.000
61	151	Lá thường xuân.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	60.000	4.600	276.000.000

STT	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch *(VND)*	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
62	156	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	2.000	31.983	63.966.000
63	161	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/Lọ/Túi	25.000	2.500	62.500.000
64	166	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long).	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	15.000	6.800	102.000.000
65	173	Bột bèo hoa dâu.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	1.900	38.000.000
66	173	Bột bèo hoa dâu.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	5.000	45.000	225.000.000
67	175	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	2.650	265.000.000
68	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	3.000	39.400	118.200.000
69	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	2.500	125.000.000
70	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	150.000	3.100	465.000.000
71	184	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	1.190	59.500.000
72	185	Huyết giác.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	1.700	85.000.000
73	191	Tam thất.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/Lọ/Túi	50.000	2.550	127.500.000
74	193	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Nhóm 2	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	30.000	3.450	103.500.000
75	207	Ngũ sắc, (Tân di hoa, Thương Nhĩ Tử).	Nhóm 3	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	Lọ	1.000	38.000	38.000.000
76	208	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.900	95.000.000

STT	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch *(VND)*	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
77	211	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/ Lọ/Túi	50.000	3.402	170.100.000
78	213	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.499	49.980.000
79	214	Thương nhĩ tử, Tân di hoa, Cỏ hôi, Bạch chỉ, Tế tân, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Cát cánh, Sài hồ bắc, Bạc hà, Hoàng cầm, Chi tử, Phục linh.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.090	104.500.000
80	219	Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.	Nhóm 3	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	5.000	33.400	167.000.000
		Tổng cộng: 80 mặt hàng							**10.336.146.000**
		Số tiền bằng chữ: Mười tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng.							